

THỰC TRẠNG THỂ LỰC CỦA SINH VIÊN HỌC MÔN KARATEDO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ThS. Nguyễn Xuân Phúc

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng thể lực của sinh viên học tự chọn môn võ Karatedo trong chương trình Giáo dục Thể chất tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy thể lực của sinh viên đáp ứng yêu cầu theo quy định và tiêu chí đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa ra. Đồng thời ghi nhận, nhóm nam sinh viên thể lực phát triển đồng đều ở từng chỉ tiêu cũng như thể lực chung, còn đối với nữ sinh viên thì thể lực phát triển không đồng đều, đặc biệt là các chỉ tiêu đánh giá sức bền vẫn ghi nhận tỉ lệ lớn sinh viên nằm trong nhóm chưa đạt.

Từ khóa: Giáo dục thể chất, các tổ chức thể lực, Karatedo, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.

Abstract: This research is used to assess fitness status of students who choose Karatedo for their optional lesson in physical education at Ho Chi Minh City University of Food Industry. The result shows that students' fitness met the requirement of Ministry of Education and Training. Male students had even figure in each criteria, while female students fitness is not even; especially, some girls did not meet the requirement in endurance assessment.

Keywords: Physical education, physical qualities, Karatedo, Ho Chi Minh City University of Food Industry

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập năm 2010 trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh. Chương trình Giáo dục Thể chất (GDTC) tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh được phân phối với 150 tiết chia làm ba học phần: GDTC1 (60 tiết), GDTC2 (60 tiết), GDTC3 (30 tiết). Sinh viên Đại học Chính quy được tự chọn học một trong các môn: Cầu lông, Bóng chuyền, Bơi lội, Bóng đá, võ Karatedo và Thể hình. Trong đó môn võ Karatedo và môn Thể hình là môn học mới đưa vào giảng dạy từ

năm học 2017-2018 và đã được đông đảo sinh viên đăng ký tham gia tập luyện.

Tuy nhiên, trong thời gian qua chưa có công trình nào nghiên cứu liên quan đến môn võ Karatedo, trong khi đó một số môn đã nghiên cứu như: Môn Bóng chuyền với đề tài “Nghiên cứu xây dựng chương trình giảng dạy môn Bóng chuyền giờ tự chọn cho sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh” năm 2019 của tác giả Lê Văn Nhựt; Môn Cầu lông với đề tài “Đánh giá sự phát triển thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản môn Cầu lông của nam sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh” năm 2015 của tác giả

Nguyễn Thành Cao; Môn Bóng đá với đề tài “Nghiên cứu xây dựng các bài tập phát triển thể lực chuyên môn giờ tự chọn môn Bóng đá cho nam sinh viên trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh” năm 2016 của tác giả Lê Văn Thanh;... Để đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của hoạt động đào tạo, nhu cầu xã hội, đồng thời hoàn thiện chương trình đào tạo theo hướng khoa học hợp lý và hiện đại, tác giả chủ động và tập chung nghiên cứu vấn đề: *Đánh giá thực trạng thể lực của sinh viên môn Karatedo tại trường Đại học Công nghiệp Thực Phẩm thành phố Hồ Chí Minh*. Kết quả của nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá thực trạng đối tượng thụ hưởng chương trình đào tạo, qua đó đóng góp giá trị quan trọng trong việc đánh giá chương trình đào tạo hiện hành nhằm điều chỉnh theo hướng nâng cao và hoàn thiện theo yêu cầu đào tạo và nhu cầu thực tế của đối tượng và xã hội.

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng thể lực của sinh viên học tự chọn môn võ Karatedo dựa trên các tiêu

chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, từ đó làm cơ sở để phát huy hoặc đổi mới nội dung môn Karatedo trong chương trình Giáo dục Thể chất tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ chí Minh.

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học Thể dục Thể thao thường quy và tin cậy để giải quyết các vấn đề nghiên cứu, cụ thể gồm: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp kiểm tra sư phạm; Và phương pháp toán thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thực trạng thể lực của sinh viên học tự chọn môn võ Karatedo tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh

Để đánh giá thực trạng thể lực, đề tài tiến hành kiểm tra thể lực của 200 sinh viên (100 nam và 100 nữ) sau khi hoàn thành môn Karatedo trong chương trình Giáo dục thể chất. Kết quả thể lực của sinh viên được thể hiện qua bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng thể lực của sinh viên học tự chọn môn võ Karatedo tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh ($n_{nam}=n_{nữ}=100$)

TT	Tham số Test	Nam				Nữ			
		$\bar{x}$	$\pm SD$	C_v	ϵ	$\bar{x}$	$\pm SD$	C_v	ϵ
1	Lực bóp tay thuận (kg)	46.87	2.31	4.98	0.01	31.08	2.60	8.37	0.02
2	Nằm ngửa gập bụng 30s (lần)	22.3	2.12	9.50	0.02	17.95	2.27	12.66	0.03
3	Bật xa tại chỗ (cm)	238.7	14.2	5.95	0.01	166.6	16.81	10.09	0.02
4	Chạy 30m XPC (s)	4.74	0.36	7.59	0.02	6.08	0.48	7.89	0.02
5	Chạy con thoi 4x10m (s)	10.63	0.66	6.20	0.01	11.94	0.45	3.77	0.01
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	1072.6	99.71	9.30	0.02	893.9	83.24	9.31	0.02

Kết quả thu được tại bảng 1 cho thấy:

Các chỉ số về cơ bản có độ đồng nhất cao giữa các cá thể nghiên cứu ($C_v < 10\%$) gồm: Đối với nhóm sinh viên nam ở tất cả các chỉ tiêu; Tại nhóm sinh viên nữ chỉ ghi nhận tại các test lực bóp tay thuận (kg), chạy 30m XPC (s), chạy 4x10m (s) và chạy tùy sức 5 phút (m);

Các chỉ số ít có độ đồng nhất giữa các cá thể nghiên cứu ($C_v > 10\%$) gồm: Nhóm sinh viên nam không ghi nhận ở bất cứ chỉ tiêu nào; Nhóm sinh viên nữ có 02 test là nằm ngửa gập bụng 30s (lần) và bật xa tại chỗ (m).

Mặc dù độ biến thiên dao động giữa các cá thể trong tập hợp mẫu ở một vài chỉ số tương đối lớn như trên nhưng tất cả các giá trị trung bình mẫu đều đủ đại diện cho số trung bình tổng thể ($\varepsilon \leq 0.05$).

Kết quả ở bảng 1 cũng cho thấy được thực trạng thể lực từng nội dung được kiểm tra, cụ thể như sau:

- *Lực bóp tay thuận (kg)*: Thành tích trung bình của nhóm sinh viên nam $= 46.87 \pm 2.31$ kg, nhóm sinh viên nữ $= 30.08 \pm 2.60$ kg;

- *Nằm ngửa gập bụng 30s (lần)*: Thành tích trung bình của nhóm sinh viên nam thực hiện được $= 22.3 \pm 2.12$ (lần), và nhóm sinh viên nữ là $= 17.95 \pm 2.27$ (lần);

- *Bật xa tại chỗ (cm)*: ở thành tích trung bình đối với nhóm sinh viên nam là 238.7 ± 14.2 cm, và nhóm sinh viên nữ là $= 166.6 \pm 16.81$ cm;

- *Chạy 30m XPC (s)*: Thành tích trung bình đối với nhóm sinh viên nam là $= 4.74 \pm 0.36$ s, và nhóm sinh viên nữ lần lượt là $= 6.08 \pm 0.48$ s;

- *Chạy con thoi 4 x 10m (s)*: Thành tích trung bình đối với nhóm sinh viên nam là $= 10.63 \pm 0.66$ s, với nhóm sinh viên nữ là $= 11.94 \pm 0.45$ s;

- *Chạy tùy sức 5 phút (m)*: Thành tích trung bình đối với nhóm sinh viên nam đạt được là $= 1072.06 \pm 99.71$ m, với nhóm sinh viên nữ là $= 893.9 \pm 83.24$ m.

Như vậy, qua nghiên cứu đánh giá thể lực của 200 sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh (100 nam và 100 nữ) cho thấy: Kết quả thu được có thể phản ánh trình độ thể lực chung của sinh viên học tự chọn môn võ Karatedo trong chương trình Giáo dục Thể chất tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đánh giá thể lực của sinh viên môn Karatedo theo quy định và bộ tiêu chí đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Theo Quyết định 53/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đánh giá thể lực của sinh viên thông qua phân loại theo từng chỉ tiêu và phân loại thể lực chung theo lứa tuổi. Nghiên cứu này được tiến hành ở lứa tuổi 20.

2.1. Phân loại thể lực của sinh viên ở từng chỉ tiêu

Kết quả phân loại thể lực của sinh viên ở từng chỉ tiêu được thể hiện bảng 2:

Bảng 2. Phân loại thể lực của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh theo từng chỉ tiêu ($n_{nam}=n_{nữ}=100$)

TT	TEST	Xếp loại	Nam		Nữ		X ²	p
			n	%	n	%		
1	Lực bóp tay thuận (kg)	Tốt	37	37	26	26	3.699	>0.05
		Đạt	61	61	69	69		
		Không đạt	2	2	5	5		
2	Nằm ngửa gập bụng 30s (lần)	Tốt	56	56	33	33	11.578	<0.05
		Đạt	41	41	65	65		
		Không đạt	3	3	2	2		
3	Bật xa tại chỗ (cm)	Tốt	71	71	34	34	27.625	<0.05
		Đạt	24	24	57	57		
		Không đạt	5	5	9	9		
4	Chạy 30m XPC (s)	Tốt	63	63	55	55	1.529	>0.05
		Đạt	34	34	40	40		
		Không đạt	3	3	5	5		
5	Chạy con thoi 4x10m (s)	Tốt	76	76	56	56	9.481	<0.05
		Đạt	24	24	43	43		
		Không đạt	0	0	1	1		
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	Tốt	45	45	32	32	4.960	<0.05
		Đạt	52	52	57	57		
		Không đạt	3	3	11	11		

Kết quả thu được tại bảng 2 cho thấy:

Đối với nhóm nam sinh viên: Số sinh viên đạt loại tốt từ 37% (chạy 30m XPC) đến 76% (chạy con thoi 4 x 10m); Số đạt từ 24% (chạy con thoi 4 x 10m và bật xa tại chỗ) đến 61% (lực bóp tay thuận); Số không đạt từ 0% (chạy 4 x 10m) đến 5% (bật xa tại chỗ).

Đối với nhóm nữ sinh viên: Số đạt loại tốt chiếm từ 26% (lực bóp tay thuận) đến 56% (chạy con thoi); Số đạt từ 40% (chạy 30m XPC) đến 69% (lực bóp tay thuận); Số

không đạt từ 1% (chạy con thoi) đến 11% (chạy tùy sức 5 phút). Kết quả thu được ở nhóm sinh viên nữ cho thấy ở từng chỉ tiêu thể lực của nữ đa số đạt yêu cầu, ngoại trừ tiêu chí chạy tùy sức 5 phút (chỉ tiêu đánh giá sức bền chung) số không đạt vẫn còn ở mức cao 11%.

So sánh kết quả phân loại thể lực giữa 2 nhóm sinh viên nam và nữ thông qua chỉ số X² ở từng chỉ tiêu cho thấy: Ở chỉ tiêu lực bóp tay thuận (kg) và chạy 30m XPC (s) giữa nam và nữ tương đương nhau (tại p>0.05);

Các chỉ tiêu còn lại là nằm ngửa gập bụng (lần), bật xa tại chỗ (cm), chạy con thoi 4x10m (s) và chạy tùy sức 5 phút (m) thì giữa 2 nhóm sinh viên nam và nữ có sự khác biệt rõ ràng (tại $p < 0.05$).

2.2. Phân loại thể lực chung của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP Hồ Chí Minh theo tiêu chí đánh giá chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Theo Quyết định 53/2008 của Bộ GD&ĐT, khi kiểm tra thể lực chung yêu cầu kiểm tra ít nhất là 04 chỉ tiêu, trong đó có 02 chỉ tiêu bắt buộc là bật xa tại chỗ (m) và

chạy tùy sức 5 phút (m). Căn cứ và điều kiện thực tế và tham khảo các nghiên cứu cùng loại, nghiên cứu quyết định đánh giá thể lực chung theo 4 chỉ tiêu, cụ thể gồm: Bật xa tại chỗ (cm); Nằm ngửa gập bụng 30 giây (lần); Chạy con thoi 4x10m (s); Và chạy tùy sức 5 phút (m). Phân loại thể lực chung theo ba mức quy định gồm: Tốt (tối thiểu 3 chỉ tiêu tốt +1 chỉ tiêu đạt trở lên); Đạt (tối thiểu 4 chỉ tiêu đều đạt); Không đạt (có một chỉ tiêu không đạt).

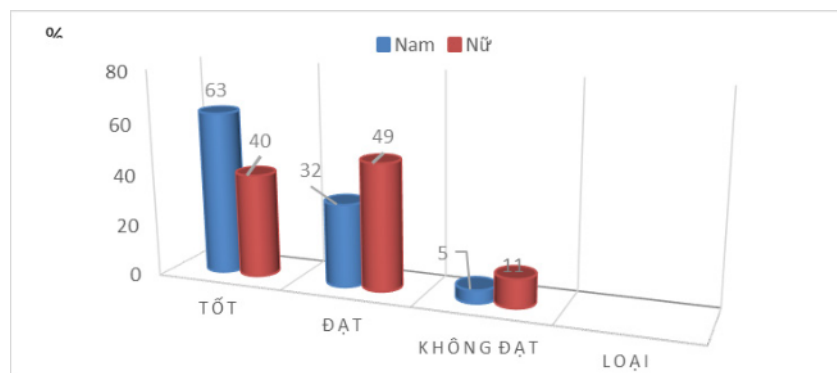
Kết quả đánh giá thể lực chung tổng thể được thể hiện qua bảng 3.

Bảng 3. Phân loại thể lực chung của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh theo tiêu chí đánh giá chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ($n_{nam} = n_{nữ} = 100$)

Loại	Nam		Nữ		X ²	p
	n	%	n	%		
Tốt	63	63	40	40	10,079	<0.05
Đạt	32	32	49	49		
Không đạt	5	5	11	11		

Kết quả phân loại thu được tại bảng 3 cho thấy: Xếp loại thể lực chung của nhóm nam sinh viên có 63% đạt loại Tốt, 32% loại Đạt và 5% Không đạt; Các chỉ số tương ứng của nhóm sinh viên nữ là 40%, 49% và 11%. So sánh kết quả phân loại thể lực chung giữa

2 nhóm sinh viên nam và nữ thông qua chỉ số X² cũng cho thấy có sự khác biệt rõ ràng (tại $p < 0.05$). Phân loại thể lực chung giữa 2 nhóm sinh viên nam và nữ được thể hiện qua Biểu đồ 1 như sau:



Biểu đồ 1. Phân loại thể lực chung giữa 2 nhóm sinh viên nam và nữ Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP Hồ Chí Minh theo tiêu chí đánh giá chung của Bộ GD&ĐT

Kết quả thu được từ nghiên cứu cho thấy thể lực của nhóm sinh viên nam ở từng chỉ tiêu đạt yêu cầu so với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo vì khi xếp loại theo tiêu chí tổng thể thu được phần lớn thành tích đều từ loại đạt trở lên. Đối với nhóm sinh viên nữ, thành tích thu được ở các chỉ tiêu như lực bóp tay thuận (kg), chạy 30m XPC (s), chạy 4x10m (s), nằm ngửa gập bụng 30s (lần), bật xa tại chỗ (cm) đạt yêu cầu; Còn chỉ tiêu chạy tùy sức 5 phút (m) là chỉ tiêu đánh giá sức bền thì số lượng, tỉ lệ không đạt yêu cầu tương đối lớn (=11%). Khi phân loại thể lực chung tổng hợp cả 4 chỉ tiêu thì số lượng từ mức đạt trở lên của nhóm sinh viên nam cao hơn rất nhiều so với nhóm sinh viên nữ, điều đó cho thấy thể lực của nhóm sinh viên nam tốt hơn và phát triển toàn diện hơn so với nhóm sinh viên nữ.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu thu được cho thấy thực trạng thể lực của sinh viên học tự chọn môn võ Karatedo trong chương trình Giáo dục Thể chất tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh đã đáp ứng các yêu cầu cơ bản theo tiêu chí tổng thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể hơn, về cơ bản thể lực ở cả nam và nữ phát triển đồng đều, đáp ứng theo yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở từng chỉ tiêu cũng như thể lực chung, tỉ lệ đạt yêu cầu theo tiêu chí tổng thể ở nhóm sinh viên nam =95% và nhóm sinh viên nữ =89%. Tỉ lệ không đạt vẫn còn chiếm một tỷ lệ không nhỏ (nhóm sinh viên nam =5% và nhóm sinh viên nữ =11%), tỉ lệ không đạt thường rơi vào những chỉ tiêu đánh giá về sức mạnh và sức bền.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 “*về việc ban hành quy định đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên*”.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT, ngày 14/10/2015, “*Quy định về chương trình môn học Giáo dục Thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ Đại học*”.
- [3]. Vũ Việt Bảo (2015). *Giáo trình Karatedo-dành cho sinh viên hệ không chuyên*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4]. *Luật Thể dục, Thể thao* (2013), Nhà xuất bản TDTT, Hà Nội,
- [5]. Đỗ Vĩnh, Nguyễn Anh Tuấn (2007), *Giáo trình Lý thuyết và Phương pháp Nghiên cứu Khoa học TDTT*, NXB TDTT Thành phố Hồ Chí Minh.
- [6]. Đỗ Vĩnh, Huỳnh Trọng Khải (2008). *Thống kê học trong TDTT*, Nhà xuất bản TDTT Thành phố Hồ Chí Minh.

Bài nộp ngày 04/7/2022, phản biện ngày 15/9/2022, duyệt đăng ngày 30/10/2022